

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 114/2019/DS-PT

Ngày 16 - 4 - 2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Loan

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn A Đam

Ông Trịnh Xuân Miến

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn H - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2019/TLPT-DS ngày 06 tháng 3 năm 2019 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2019/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 104/2019/QĐ-PT ngày 27 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C.

Bị đơn:

Ông Nguyễn Lê M, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh C.

Bà Lý Thu N, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C.

Người kháng cáo: Bị đơn là bà Lý Thu N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, ông Trần Văn T trình bày: Vào ngày 16 tháng 12 năm 2014, ông T có cho ông Nguyễn Lê M, bà Lý Thu N vay 01 lượng vàng 24k với lãi suất 500.000 đồng/tháng. Đến ngày 12 tháng 5 năm 2015, ông T tiếp tục cho ông M, bà N vay 02 lượng vàng 24k với lãi suất 1.000.000 đồng/tháng. Ngày 12 tháng 10 năm 2015, ông Nguyễn Lê M trả cho ông T 01 lượng vàng 24k. Ngày 16 tháng 3 năm 2016, ông M hỏi vay lại 01 lượng vàng 24k nên làm lại biên nhận tổng cộng vay 03 lượng vàng 24k. Ngày 18 tháng 4 năm 2016, ông M, bà N vay thêm 03 chỉ

vàng 24k. Đến nay, ông M, bà N chưa trả cho ông T số vàng trên. Ông T yêu cầu ông Nguyễn Lê M, bà Lý Thu N trả cho ông T 03 lượng 03 chỉ vàng 24k.

Bị đơn, ông Nguyễn Lê M trình bày: Trong thời gian chung sống, ông và bà Lý Thu N có vay của ông Trần Văn T 03 lượng 03 chỉ vàng 24k để sử dụng chung cho gia đình. Nay ông và bà N đã ly hôn nên ông đồng ý trả ½ khoản nợ trên là 16 chỉ 05 phân vàng 24k, bà N trả 16 chỉ 05 phân vàng 24k cho ông T.

Bị đơn, bà Lý Thu N trình bày: Bà không biết số nợ trên nên bà không đồng ý trả theo yêu cầu của ông T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T. Buộc ông Nguyễn Lê M có trách nhiệm thanh toán cho ông Trần Văn T 16,5 chỉ vàng 24k. Buộc bà Lý Thu N có trách nhiệm thanh toán cho ông Trần Văn T 16,5 chỉ vàng 24k.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 23/01/2019 bà N có đơn kháng cáo không đồng ý trả nợ cho ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và tranh luận cho rằng, vào ngày 17/8/2018, Tòa án đã giải quyết cho bà và ông M ly hôn và chia cho ông M 60% giá trị tài sản và chia cho bà 40% giá trị tài sản bằng 566.000.000 đồng. Sau khi xét xử, ông M đã giao số tiền trên cho Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Trần Văn Thời để thi hành án thì nhiều chủ nợ làm đơn khởi kiện bà và ông M kèm theo biên nhận nợ do ông M ký tên cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng đã thiếu nợ, trong những người khởi kiện có ông T, do đó toàn bộ số tiền ông M nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Trần Văn Thời đều bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để phong tỏa toàn bộ tài sản của bà được thi hành án. Số nợ của ông T khởi kiện bà đều do ông M tự ký tên vào biên nhận, bà không biết số nợ trên vì đầu năm 2014 vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn đến tháng 4/2018 thì Tòa án huyện Trần Văn Thời đã giải quyết ly hôn. Số vàng ông M làm biên nhận cho ông T trong thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chờ Tòa án giải quyết ly hôn nên bà không biết vì trong thời gian này, ông M đã tự xây dựng một căn nhà riêng để ở, do đó bà không chấp nhận trả cho ông T 16,5 chỉ vàng 24k.

Ông M tranh luận cho rằng, ông thừa nhận từ năm 2014 đến năm 2018 vợ chồng ông đã phát sinh mâu thuẫn và được Tòa án giải quyết cho ly hôn, trong thời gian vợ chồng chung sống, bà N ở nhà làm nội trợ còn ông làm việc tại Ủy ban nhân dân xã, vợ chồng không có kinh doanh, nhưng mọi công việc trong gia đình do ông quyết định. Do đó việc vay nợ và trả nợ đều do ông viết biên nhận, số nợ ông vay của ông T lần đầu 10 chỉ vàng 24k vào ngày 16/12/2014 là vay để điều trị bệnh cho mẹ ông và bà N. Số nợ 20 chỉ vàng 24k vay vào ngày 12/5/2015 nhưng ông đã trả được 10 chỉ vàng 24k cho ông T vào ngày 12/10/2015. Đến ngày 16/3/2016 ông vay thêm 10 chỉ vàng 24k nên đã làm lại biên nhận chung là 30 chỉ vàng 24k, đến ngày 18/7/2016 vay thêm 03 chỉ vàng 24k. Số vàng vay là để trả tiền làm ki ốt cho ông Th và trả nợ cho ông H. Trong số nợ trên bà N có thừa nhận nợ 10 chỉ vàng 24k của ông T theo bản án của Tòa án huyện Trần Văn Thời. Tất cả

các khoản nợ trên ông vay đều sử dụng vào mục đích sinh hoạt chung của vợ chồng, ông không có cất nhà riêng để ở trong thời gian chờ Tòa án giải quyết ly hôn như bà N khai. Do đó yêu cầu bà N phải có trách nhiệm trả cho ông T 16,5 chỉ vàng 24k.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà N, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời theo hướng buộc bà N trả cho ông T 05 chỉ vàng 24k.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Lý Thu N, Hội đồng xét xử xét thấy: Biên nhận nợ ngày 16/3/2016 do ông M vay của ông T 30 chỉ vàng 24k do ông M ký tên không có chữ ký của bà N, ông T cho rằng số nợ 33 chỉ vàng 24k ông T cho ông M và bà N vay nhưng ông T không có chứng cứ chứng minh số nợ trên là nợ do bà N và ông M trực tiếp vay.

Ông M thừa nhận đã ký tên vào biên nhận vay của ông T 30 chỉ vàng 24k vào ngày 16/03/2016 và vay thêm 03 chỉ vàng 24k vào ngày 18/7/2016, tổng cộng đã vay của ông T 33 chỉ vàng 24k. Ông M cho rằng ông vay vàng để sử dụng vào mục đích sinh hoạt chung của vợ chồng như điều trị bệnh cho bà N và mẹ ông M, trả số nợ cho ông H và trả tiền cho ông Th do làm ki ốt năm 2013 nhưng bà N không thừa nhận, ông M cung cấp giấy xác nhận của ông H và bà N cung cấp giấy xác nhận của ông Th. Ông Dương Văn Th xác nhận đã làm ki ốt vào tháng 8/2013 với số tiền là 27.000.000 đồng (BL 41). Theo giấy xác nhận của Nguyễn Văn H có cho bà N và ông M vay 15 chỉ vàng vào tháng 01/2015 nhưng ông M và bà N đã trả xong (BL 121). Như vậy ông M cho rằng ông vay vàng vào ngày 16/3/2016 là để trả nợ cho ông Th và ông H là không có cơ sở. Tại phiên tòa, ông M cũng thừa nhận từ năm 2014 đến năm 2018 vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn đến tháng 4 năm 2018 thì Tòa án huyện Trần Văn Thời giải quyết cho ly hôn. Biên nhận nợ 30 chỉ vàng 24k được ông M ký nhận nợ vào ngày 16/3/2016 là trong thời gian vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, vì vậy ông M cho rằng vay vàng để sử dụng vào mục đích sinh hoạt chung của vợ chồng nhưng ông M không có chứng cứ chứng minh, ông M cho rằng số nợ trên là nợ chung của ông M và bà N có hai con ông là Nguyễn Tuyết Kha và Nguyễn Nhật Khiêm biết nhưng hiện nay hai con ông M đang khởi kiện bà N để yêu cầu chia tài sản chung, do đó chứng cứ này không có cơ sở để chấp nhận. Do đó không có cơ sở cho rằng số nợ 33 chỉ vàng 24k do ông M thừa nhận nợ của ông T là nợ chung của ông M và bà N.

Cấp sơ thẩm cho rằng việc ông M thừa nhận nợ của ông T 33 chỉ vàng 24k nhưng bà N không chứng minh được bà và ông M làm ăn riêng và không chứng minh được số vàng ông M vay để chi xài riêng trong khi hôn nhân của ông M và bà N còn tồn tại nên buộc bà N cùng ông M có trách nhiệm trả nợ là không phù hợp.

[2] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau, Hội đồng xét xử xét thấy, bà N không thừa nhận toàn bộ số nợ của ông T do ông M thừa nhận nợ và ký tên biên nhận nợ với tổng số nợ là 33 chỉ vàng 24k. Ông M không chứng minh được số nợ trên do ông vay để sử dụng vào mục đích chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên không có cơ sở buộc bà N cùng ông M có trách nhiệm trả nợ cho ông T, tại bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời có ghi lời trình bày của bà N cho rằng có nợ ông T và bà Đèo 10 chỉ vàng 24k nhưng bà N cho rằng lời trình bày của bà được ghi không đúng, ngoài ra không có chứng cứ nào chứng minh việc bà N thừa nhận nợ của ông T 10 chỉ vàng 24k, do đó không có cơ sở buộc bà N trả cho ông T 05 chỉ vàng 24k theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau.

Cần sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà N. Buộc ông M phải có trách nhiệm trả cho ông T 33 chỉ vàng 24k

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của bà N, nên bà N không phải chịu án phí theo quy định.

Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 38, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 03 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Lý Thu N.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T. Buộc ông Nguyễn Lê M có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn T 33 chỉ vàng 24k.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn T không phải chịu án phí. Ông T có nộp tạm ứng số tiền 3.030.000 đồng tại biên lai số 0008696 ngày 19 tháng 9 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

Ông Nguyễn Lê M phải nộp 5.775.000 đồng tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Trần Văn Thời.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lý Thu N không phải nộp. Đã qua bà N có dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002649 ngày 23/01/2019 được nhận lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Phương Loan